

PHỤ LỤC
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ CHO ĐỘI DÂN PHÒNG, ĐỘI PCCC CƠ SỞ, ĐỘI PCCC CHUYÊN NGÀNH
(Ban hành kèm theo Công văn số 1141 /UBND-TCDNC ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh)

I. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI DÂN PHÒNG

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	NIÊN HẠN SỬ DỤNG
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04 kg	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03 kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
3	Đèn pin (độ sáng 200 lm, chịu nước IPX4)	02	Chiếc	Hồng thay thế
4	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)	01	Chiếc	Hồng thay thế
5	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)	01	Chiếc	Hồng thay thế
6	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5 kg, cán dài 50 cm)	01	Chiếc	Hồng thay thế
7	Kìm cộng lực (dài 60 cm, tải cắt 60 kg)	01	Chiếc	Hồng thay thế
8	Túi sơ cứu loại A (<i>Theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế</i>)	01	Túi	Hồng thay thế
9	Cáng cứu thương (kích thước 186 cm x 51 cm x 17 cm; tải trọng 160 kg.	01	Chiếc	Hồng thay thế

II. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CƠ SỞ

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG		ĐƠN VỊ	NIÊN HẠN SỬ DỤNG
		Thuộc phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP	Thuộc phụ lục II Nghị định số 136/2020/NĐ-CP		
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04 kg	03	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03 kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	03	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
3	Mũ chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	03	05	Chiếc	Hồng thay thế
4	Quần áo chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	03	05	Bộ	Hồng thay thế
5	Găng tay chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	03	05	Đôi	Hồng thay thế
6	Giày ủng chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	03	05	Đôi	Hồng thay thế
7	Mặt nạ lọc độc (đáp ứng QCVN10:2012/BLĐTBXH)	03	05	Chiếc	Hồng thay thế
8	Đèn pin (độ sáng 200lm, chịu nước IPX4)	01	02	Chiếc	Hồng thay thế
9	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu)	01	02	Chiếc	Hồng thay

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG		ĐƠN VỊ	NIÊN HẠN SỬ DỤNG
		Thuộc phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP	Thuộc phụ lục II Nghị định số 136/2020/NĐ-CP		
	thép cacbon cường độ cao)				thế
10	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)	01	01	Chiếc	Hồng thay thế
11	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5 kg, cán dài 50 cm)	01	01	Chiếc	Hồng thay thế
12	Kim cộng lực (dài 60 cm, tải cắt 60 kg)	01	01	Chiếc	Hồng thay thế
13	Túi sơ cứu loại A (<i>Theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế</i>)	01	02	Túi	Hồng thay thế
14	Cáng cứu thương (kích thước 186 cm x 51 cm x 17 cm; tải trọng 160 kg.	-	01	Chiếc	Hồng thay thế
15	Bộ đàm cầm tay (đáp ứng tiêu chuẩn IP54)	-	02	Chiếc	Hồng thay thế

III. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CHUYÊN NGÀNH

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	NIÊN HẠN SỬ DỤNG
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04 kg	10	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03 kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	10	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
3	Mũ chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	10	Chiếc	Hồng thay thế
4	Quần áo chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	10	Bộ	Hồng thay thế

5	Găng tay chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	10	Đôi	Hỏng thay thế
6	Giày, ủng chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	10	Đôi	Hỏng thay thế
7	Mặt nạ lọc độc (đáp ứng QCVN 10:2012/BLĐTBXH)	10	Chiếc	Hỏng thay thế
8	Mặt nạ phòng độc cách ly (loại có mặt trùm và bình khí thở)	03	Bộ	Hỏng thay thế
9	Đèn pin (độ sáng 300 lm, chịu nước IPX5)	03	Chiếc	Hỏng thay thế
10	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)	02	Chiếc	Hỏng thay thế
11	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
12	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5kg, cán dài 50 cm)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
13	Kìm cộng lực (dài 60 cm, tải cắt 60 kg)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
14	Dây cứu người (dài 30 m, sợi polyester, chống nước, chống cháy, chịu nhiệt; tải trọng 500 kg; lực kéo đứt 100 KN)	02	Cuộn	Hỏng thay thế
15	Thang chữa cháy (dài 3,5m; chất liệu kim loại chịu lực)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
16	Túi sơ cứu loại B (<i>Theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế</i>)	01	Hộp	Hỏng thay thế
17	Cáng cứu thương (kích thước 186 cm x 51 cm x 17 cm; tải trọng 160 kg).	01	Chiếc	Hỏng thay thế
18	Bộ đàm cầm tay (đáp ứng tiêu chuẩn IP55)	02	Chiếc	Hỏng thay thế
19	Phương tiện PCCC cơ giới (xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy di động)	Quy định tại Bảng 6 của TCVN 3890:2009 phương tiện PCCC cho nhà và công trình – trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng		